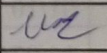


**SỔ GÓC CẤP CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

(Theo QĐ số 684/QĐ-ĐHSPKT ngày 08/03/2021 của Trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM)

Cấp: 18/03/2021

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐT cuối khóa		Số hiệu	Số vào sổ	Ký nhận	
				Trắc nghiệm	Thực hành			Chữ ký	Ghi rõ họ và tên
1	Ngô Huỳnh Thúy Anh	12/04/2002	Tây Ninh	9.5	8.5	SPK.CB002387	CB/684/21/00413		
2	Nguyễn Hoàng Anh	06/05/2000	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002388	CB/684/21/00414		
3	Nguyễn Ngọc Minh Châu	29/12/2002	Long An	8.0	9.5	SPK.CB002389	CB/684/21/00415		
4	Trương Thị Dang	16/07/2002	Tây Ninh	9.0	9.0	SPK.CB002390	CB/684/21/00416		
5	Nguyễn Hiếu Đặng	28/01/2002	Tây Ninh	9.5	9.5	SPK.CB002391	CB/684/21/00417		
6	Nguyễn Thị Hồng Đào	23/11/2000	Tây Ninh	10.0	10.0	SPK.CB002392	CB/684/21/00418		
7	Đào Quốc Đạt	03/08/2005	Tây Ninh	9.5	8.5	SPK.CB002393	CB/684/21/00419		
8	Lê Hồng Diễm	03/06/2000	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002394	CB/684/21/00420		
9	Phạm Thị Thùy Dung	18/07/1999	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002395	CB/684/21/00421		
10	Trần Ngọc Duyên	22/08/2001	Tây Ninh	7.5	9.0	SPK.CB002396	CB/684/21/00422		
11	Trần Thị Mỹ Duyên	04/01/2000	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002397	CB/684/21/00423		
12	Trần Ngọc Hân	11/11/2001	Tây Ninh	10.0	8.5	SPK.CB002398	CB/684/21/00424		
13	Đỗ Lê Hồng Hậu	17/02/2001	Tây Ninh	10.0	9.5	SPK.CB002399	CB/684/21/00425		
14	Nguyễn Thị Thanh Hiền	12/07/2001	Tây Ninh	10.0	8.5	SPK.CB002400	CB/684/21/00426		
15	Phạm Trọng Hiếu	29/09/1999	Tây Ninh	9.0	9.5	SPK.CB002401	CB/684/21/00427		
16	Xanh Cẩm Hòa	12/08/1996	Tây Ninh	9.5	8.0	SPK.CB002402	CB/684/21/00428		
17	Lâm Hoàng Huy	30/07/2002	Tây Ninh	8.5	9.0	SPK.CB002403	CB/684/21/00429		Lâm Hoàng Huy
18	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	18/05/2001	Tây Ninh	9.0	8.5	SPK.CB002404	CB/684/21/00430		



Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	ĐT cuối khóa		Số hiệu	Số vào sổ	Ký nhận	
					Trắc nghiệm	Thực hành			Chữ ký	Ghi rõ họ và tên
19	Nguyễn Thị Ngọc	Kết	25/10/1999	Tây Ninh	9.5	8.0	SPK.CB002405	CB/684/21/00431		
20	Phạm Quốc	Khánh	30/08/2000	Tây Ninh	7.0	7.5	SPK.CB002406	CB/684/21/00432		
21	Trần Huỳnh Nhật	Linh	08/12/2001	Tây Ninh	7.5	7.5	SPK.CB002407	CB/684/21/00433		
22	Võ Hoàng	Linh	19/06/2002	Tây Ninh	7.5	5.5	SPK.CB002408	CB/684/21/00434		
23	Trần Thị	Mai	03/07/2001	Tây Ninh	9.0	5.5	SPK.CB002409	CB/684/21/00435		
24	Nguyễn Thị Ngọc	Mến	01/01/2001	Tây Ninh	7.5	5.0	SPK.CB002410	CB/684/21/00436		
25	Trần Thị Trà	Mi	07/11/1999	Tây Ninh	10.0	8.0	SPK.CB002411	CB/684/21/00437		
26	Trần Công	Minh	20/05/2000	Tây Ninh	10.0	8.5	SPK.CB002412	CB/684/21/00438		
27	Trịnh Thị Ánh	Minh	16/01/2002	Tây Ninh	9.5	6.5	SPK.CB002413	CB/684/21/00439		
28	Trịnh Thị Ngọc	Minh	16/01/2002	Tây Ninh	10.0	5.0	SPK.CB002414	CB/684/21/00440		
29	Nguyễn Văn	Ngà	23/03/1999	Tây Ninh	9.5	7.5	SPK.CB002415	CB/684/21/00441		
30	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	15/09/2002	Tây Ninh	9.0	9.0	SPK.CB002416	CB/684/21/00442		
31	Nguyễn Thị Yến	Nhi	23/01/2001	Tây Ninh	9.5	9.0	SPK.CB002417	CB/684/21/00443		
32	Nguyễn Thị Yến	Nhi	14/02/2000	Tây Ninh	9.5	7.0	SPK.CB002418	CB/684/21/00444		
33	Phạm Thanh	Nhi	17/05/2001	Tây Ninh	9.5	7.0	SPK.CB002419	CB/684/21/00445		
34	Thị Hồng	Nhi	22/04/2002	Tây Ninh	9.0	7.0	SPK.CB002420	CB/684/21/00446		
35	Trần Ngọc Phương	Như	26/01/2000	Tây Ninh	8.5	7.5	SPK.CB002421	CB/684/21/00447		
36	Trần Thị Ngọc	Như	17/01/2001	Tây Ninh	9.5	6.0	SPK.CB002422	CB/684/21/00448		
37	Trần Thị Tố	Như	22/11/2002	Tây Ninh	6.5	7.5	SPK.CB002423	CB/684/21/00449		
38	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	12/01/2001	Tây Ninh	10.0	8.0	SPK.CB002424	CB/684/21/00450		
39	Trần Hồng	Phát	01/09/1999	Tây Ninh	6.0	5.5	SPK.CB002425	CB/684/21/00451		
40	Phạm Hữu	Phúc	06/11/2001	Tây Ninh	6.5	5.0	SPK.CB002426	CB/684/21/00452		
41	Hà Thị Hồng	Phương	28/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	8.0	7.0	SPK.CB002427	CB/684/21/00453		
42	Bùi Nguyễn Trúc	Quỳnh	01/10/2002	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002428	CB/684/21/00454		
43	Bùi Tố	Quỳnh	16/07/2001	Tây Ninh	10.0	8.5	SPK.CB002429	CB/684/21/00455		

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	ĐT cuối khóa		Số hiệu	Số vào sổ	Ký nhận	
					Trắc nghiệm	Thực hành			Chữ ký	Ghi rõ họ và tên
44	Trần Thị Như	Quỳnh	23/12/2001	Tây Ninh	8.5	9.5	SPK.CB002430	CB/684/21/00456		
45	Nguyễn Minh	Sang	28/08/2002	Tây Ninh	8.5	8.5	SPK.CB002431	CB/684/21/00457		
46	Phạm Thị Diễm	Sương	02/12/2001	Tây Ninh	9.5	7.5	SPK.CB002432	CB/684/21/00458		
47	Trần Công	Tấn	01/06/2002	Bình Định	8.5	8.0	SPK.CB002433	CB/684/21/00459		
48	Nguyễn Thị Đan	Thi	19/12/2001	Tây Ninh	8.5	8.0	SPK.CB002434	CB/684/21/00460		
49	Nguyễn Chí	Thiện	22/10/2001	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002435	CB/684/21/00461		
50	Lý Thị Anh	Thư	09/09/2001	Tây Ninh	9.0	8.5	SPK.CB002436	CB/684/21/00462		
51	Nguyễn Minh	Thư	08/07/2001	Tây Ninh	9.5	9.5	SPK.CB002437	CB/684/21/00463		
52	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	22/01/2000	Tây Ninh	7.0	8.0	SPK.CB002438	CB/684/21/00464		
53	Lê Xuân	Trúc	16/06/2002	Tây Ninh	8.0	8.5	SPK.CB002439	CB/684/21/00465		
54	Nguyễn Thanh	Tú	19/01/2000	Tây Ninh	9.5	7.5	SPK.CB002440	CB/684/21/00466		
55	Vương Thị Kim	Tuyền	20/01/2001	Tây Ninh	10.0	9.0	SPK.CB002441	CB/684/21/00467		
56	Bùi Thị Phương	Tuyền	03/05/2001	Tây Ninh	8.5	10.0	SPK.CB002442	CB/684/21/00468		
57	Trần Kim	Tuyền	09/05/1998	Tây Ninh	9.0	8.5	SPK.CB002443	CB/684/21/00469		
58	Nguyễn Thị Chúc	Vàng	02/10/2002	Tây Ninh	7.5	10.0	SPK.CB002444	CB/684/21/00470		
59	Thị Thành	Vinh	25/04/2002	Tây Ninh	6.0	9.0	SPK.CB002445	CB/684/21/00471		
60	Trần Thanh	Vinh	18/04/2001	Tây Ninh	9.0	7.5	SPK.CB002446	CB/684/21/00472		
61	Nguyễn Thị Tường	Vy	20/09/2002	Tây Ninh	10.0	8.0	SPK.CB002447	CB/684/21/00473		
62	Phạm Hoàng	Yến	03/04/2002	Tây Ninh	6.0	7.5	SPK.CB002448	CB/684/21/00474		

Tổng cộng:

62 học viên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Lập bảng



TS. Lê Văn Vinh

Nguyễn Thị Tuyết Nga